

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỘC THINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số /BC-UBND

Lộc thính, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới,
các phong trào PTKT-HX 9 tháng đầu năm; nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023**

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/ĐU ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Đảng ủy về việc lãnh đạo thực hiện chương trình xây dựng NTM năm 2023. UBND xã ban hành Kế hoạch số 10/ KH-UBND ngày 13/01/2023 về Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023.

2. Công tác Tuyên truyền, vận động.

Công tác tuyên truyền được triển khai rộng rãi, thường xuyên, phong phú, gắn kết chặt chẽ giữa tuyên truyền với vận động, lồng ghép tuyên truyền qua các hoạt động sinh hoạt tập thể, các hội nghị, các cuộc họp tại khu dân cư, qua hệ thống truyền thanh, qua băng zôn, panô, khẩu hiệu tuyên truyền nhằm cho từng cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn, xác định rõ trách nhiệm, vai trò chủ thể trực tiếp thực hiện xây dựng nông thôn mới và các phong trào, hội thi.

- UBMTTQ, các ngành, các thôn, làng tuyên truyền đến toàn thể đoàn viên, hội viên, nhân dân thực hiện tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và thực hiện xây dựng các phong trào thi đua, phong trào và hội thi tuyến đường “Sáng - xanh - sạch - đẹp”, mô hình “Nhà sạch- vườn đẹp- hàng rào xanh” gắn với xây dựng NTM và phát triển kinh tế xã hội.

- Trong 9 tháng đầu năm toàn xã tổ chức 30 cuộc tuyên truyền thông qua các hội nghị triển khai kế hoạch, hội nghị của MTTQ và các đoàn thể với khoảng 2.950 lượt người tham gia. Vận động hiến đất, hiến cây mở rộng đường giao thông (26 hộ khoảng 350m đất). Phong trào “ngày chủ nhật sạch” đã đi vào nề nếp và duy trì thường xuyên với tổng số người tham gia 21.756 lượt người, khoảng 26,7 km đường thôn, ngõ xóm được quét dọn thường xuyên. Đối với các cơ quan thường xuyên làm vệ sinh môi trường vào ngày thứ 5 hàng tuần.

9 tháng đầu năm toàn xã đã trồng được 2.325 m hàng rào xanh (Đến nay toàn xã đã trồng 18,73 km hàng rào xanh, với các loại cây Mất Ngọc, Chè mạn, Dâm bụt), trong đó: Trồng đường trục chính 17,45 km; đường ngõ xóm 0,56 km; vườn hộ 720m, nhà văn hóa 560m và trồng 535 cây xanh.

3. Kết quả thực hiện các nội dung Chương trình xây dựng NTM.

a. Kết quả xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong XDNTM.

Bê tông mở rộng đường trục thôn 5.200m; bê tông ngõ 265 m; làm đường cấp phối 1.950m; xây dựng mới 7,66 km đường điện chiếu sáng (Tổng toàn xã có 22,16km); xây mương thoát nước các tuyến đường 675 m; đắp lè đường 1.250m; cống ngầm thoát nước sông, suối 2 cái, xây mới và sửa chữa 22 nhà ở và 900m tường rào.

UBND xã khởi công Đầu tư Nâng cấp tuyến đường từ Cò Chè đi trường Mầm non

xã Lộc Thịnh và tuyến đường Đồi bò (*Lộc Thành*) từ nguồn vốn NSTW hỗ trợ CTMTQG xây dựng NTM.

b. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM.

- Kết quả thực hiện tiêu chí xã NTM theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh hóa.

+ *Số tiêu chí xã NTM đạt 13/19 đạt 68,4% tiêu gồm:*

Tiêu chí số 1 Quy hoạch; Tiêu chí số 2 Giao thông; Tiêu chí số 3 Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 4 Điện; Tiêu chí số 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 12 về Lao động; Tiêu chí số 16 về Văn hóa; Tiêu chí số 19 Quốc phòng – An ninh; Tiêu chí số 5 Trường học; Tiêu chí số 8 Thông tin và truyền thông; Tiêu chí số 10 về Thu nhập; Tiêu chí số 14 về Giáo dục & Đào tạo.

So với kế hoạch giao 9 tháng đầu năm thực hiện được 03/8 Tiêu chí đạt 37,5% KH gồm Tiêu chí số 2 Giao thông; Tiêu chí số 8 Thông tin và truyền thông; Tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư. (*Giảm 01 Tiêu là Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa*) thuộc nhóm tiêu chí nâng cao.

+ *Số tiêu chí xã NTM chưa đạt 6/19 đạt 31,6% tiêu gồm:*

Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 11 Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 13 Tổ chức SX phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 15 Y tế ($2.888/3.246=85,7\%$). Tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

(*Có biểu 01 kèm theo*).

c. Về rà soát tiêu chí thôn NTM.

Thực hiện theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025 (gồm 5 thôn/ làng).

+ Số thôn đạt 9/14 tiêu chí: 4 thôn, làng đạt 80% (Lộc Thành, Lộc Phát, Cò Chè, Làng Hép).

- Các tiêu chí đạt gồm các tiêu chí: Tiêu chí số 1 Lao động; Tiêu chí số 2 Thu nhập; Tiêu chí số 6 Giáo dục; Tiêu chí số 8 Văn hóa; Tiêu chí số 10 Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 11 Điện; Tiêu chí số 12 Thông tin và truyền thông; Tiêu chí số 13 Hệ thống chính trị; Tiêu chí số 14 Quốc phòng và An ninh. So với kế hoạch đầu năm thực hiện được 1/6 tiêu chí đạt 15% gồm: *Tiêu chí số 12 Thông tin và truyền thông*

- Các tiêu chí chưa đạt 5 tiêu chí gồm: Tiêu chí số 3 Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 4 Nhà ở dân cư và vườn hộ; Tiêu chí số 5 Giao thông; Tiêu chí số 7 Y tế; Tiêu chí số 9 Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Số thôn đạt 8/14 tiêu chí: 01 thôn đạt 20% (Lộc Tiến).

- Các tiêu chí đạt gồm các tiêu chí: Tiêu chí số 1 Lao động; Tiêu chí số 2 Thu nhập; Tiêu chí số 6 Giáo dục; Tiêu chí số 8 Văn hóa; Tiêu chí số 10 Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 11 Điện; Tiêu chí số 13 Hệ thống chính trị; Tiêu chí số 14 Quốc phòng và An ninh. So với kế hoạch đầu năm thực hiện được 0/6 tiêu chí đạt 0% KH.

- Các tiêu chí chưa đạt 5 tiêu chí gồm: Tiêu chí số 3 Nghèo đa chiều; Tiêu chí

số 4 Nhà ở dân cư và vườn hộ; Tiêu chí số 5 Giao thông; Tiêu chí số 7 Y tế; Tiêu chí số 9 Môi trường và an toàn thực phẩm. Tiêu chí số 12 Thông tin và truyền thông. (Có phụ biểu 02 kèm theo).

d. Về rà soát tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu (làng Ngã Hón).

Rà soát tiêu chí theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Các tiêu chí đã đạt 7/15 tiêu chí gồm:

TC1 Phát triển kinh tế nông thôn: TC 2 Thu nhập; TC 6 Giáo dục; TC 8 Văn hóa; TC 11 Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; TC 14 Hệ thống chính trị; chấp hành pháp luật; TC 15 Quốc phòng và an ninh. So với kế hoạch đầu năm thực hiện được 01/9 tiêu chí đạt 11% KH, là TC 2 Thu nhập;

- Các tiêu chí chưa đạt 8/15 tiêu chí gồm:

Tiêu chí Tiêu chí số 3 Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 4 Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 5 Giao thông; Tiêu chí số 7 Y Tế; Tiêu chí số 9 Môi Trường; Tiêu chí số 10 Chất lượng môi trường sống; Tiêu chí số 12 Điện; Tiêu chí số 13 Thông tin và truyền thông.

(Có phụ biểu 03 kèm theo).

4. Thực hiện các phong PT KT-XH 9 tháng đầu năm 2023

4.1. Phong trào “Xây dựng đường điện chiếu sáng công cộng”.

100% đường thôn và 80% ngõ xóm và các nhà văn hóa có hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống điện chiếu sáng công cộng được thiết kế đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn, góp phần bảo đảm giao thông, bảo vệ an ninh trật tự.

Tổng số đường điện chiếu sáng công cộng toàn xã là: 22,16 km, tổng kinh phí đã huy động thực hiện 657,6 triệu đồng từ nguồn nhân dân đóng góp.

Trong 9 tháng đầu năm 2023 xây dựng 7,66 km.

4.2. Phong trào “Xây dựng cổng làng, cổng chào”

Trên địa bàn xã có 6 thôn, làng, hiện nay toàn xã có 20 cổng chào xây dựng từ năm 2018 trên trục đường chính và các khu dân cư công trình được xây dựng bằng chất liệu ống kẽm kiên cố, hàng năm đều được tu bổ, thay thế các khẩu hiệu đảm bảo đẹp, trang trọng (Chưa có cổng làng). Tổng kinh phí thực hiện 201 triệu đồng, từ nguồn đóng góp của nhân dân.

4.3. Phong trào “Phát triển Trang trại, gia trại”

Toàn xã hiện có 01 trang trại và 29 gia trại tổng hợp đang hoạt động ổn định có hiệu quả.

- Trang trại: Có 01 trang trại tổng hợp trồng cam, bưởi, cây lâm nghiệp quy mô 5,5 ha thành lập năm 2015.

- Gia trại: Có 29 gia trại tổng hợp trồng cây ăn quả và chăn nuôi trâu, dê, lợn... quy mô từ 50- 2.000 con/năm; gia cầm, thủy cầm, thịt, đẻ trứng từ 500- 8.000 con/ năm; cây ăn quả từ 100- 450 cây...

Trong 9 tháng đầu năm 2023 phát triển 03 gia trại, (từ năm 2017 đến nay phát triển 19 gia trại).

4.4. Phong trào chỉnh trang khuôn viên trụ sở các cơ quan, các nhà văn hóa trên địa bàn xã:

6/6 thôn, làng có nhà văn hóa được xây dựng kiên cố, rộng rãi đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hội nghị, các sự kiện của thôn thường xuyên được chỉnh trang trong và ngoài khuôn viên, trồng nhiều hoa và cây xanh, đảm bảo xanh, sạch, đẹp (trong đó có 02 nhà sàn). Trong nhà văn hóa được bổ sung các thiết chế văn hóa mang đặc

trung của người Mường và nhân dân lao động; được trang bị mạng internet.

Hàng năm các thôn, làng thực hiện trồng cây xanh, cây bóng mát, chỉnh trang khuôn viên, xây bồn hoa, chậu hoa, sân, tường rào, sơn, vôi ve...; Tổng kinh phí thực hiện các năm 1.491 triệu đồng từ nguồn nhân dân đóng góp.

Trong 9 tháng đầu năm 2023 UBND xã chỉnh trang, lát sân công sở xã 1.000 m²; kinh phí thực hiện 800 triệu đồng, từ nguồn vốn ngân sách; các thôn, làng đầu tư 84 triệu đồng từ nguồn đóng góp của nhân dân.

Các cơ quan chủ động thực hiện phong trào chỉnh trang khuôn viên cơ quan “*Xanh - Sạch - Đẹp*”; duy trì chiều thứ 5 hàng tuần dọn vệ sinh môi trường.

4.5. Phong trào “*Tiếng kèng bình yên*”.

Thực hiện Đề án 1212 về việc “Phòng chống tội phạm giết người và tội phạm cố ý gây thương tích trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2017 - 2020” của Ban Chỉ đạo 138 tỉnh, Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 19/9/2017 của UBND huyện Ngọc Lặc về việc triển khai thực hiện phong trào “*Tiếng kèng bình yên*”. Công an xã đã tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã ban hành các kế hoạch, phương án triển khai thực hiện **phong trào “*Tiếng kèng bình yên*”**.

Hiện nay 6/6 thôn, làng đều được trang bị 01 cái kèng; Kèng được bố trí tại một nơi trung tâm nhất của thôn, làng, thường xuyên duy trì tiếng kèng giới nghiêm sau 22 giờ, kết hợp với tuần tra để bảo đảm ANTT.

5.6. Phong trào “*trồng Hàng rào xanh*”.

Phong trào “Hàng rào xanh” phát động đã tạo được sự lan rộng trên địa bàn. Đến nay toàn xã đã trồng 18,73 km với các loại cây Mất Ngọc, Chè mạn, râm bụt: (đường trục chính 17,45 km; ngõ xóm 0,56 km; vườn hộ 720m và nhà văn hóa 560m).

Trong 9 tháng đầu năm 2023 trồng được 2,32 km. Các thôn, làng đang duy trì vườn ươm cây giống để tiếp tục trồng, chăm dặm, thường xuyên quan tâm chăm sóc, bảo vệ cây sau khi trồng.

4.7. Phong trào “*Trồng cây xanh nơi công cộng*”

Thực hiện Phong trào “Trồng cây xanh nơi công cộng” nhằm góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội; hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu; chung tay xây dựng nông thôn mới. Từ khi phát động đến nay (từ tháng 9 năm 2021) toàn xã đã trồng được 996 cây xanh, trồng nơi công cộng. Trong 9 tháng đầu năm 2023 trồng được 65 cây.

4.8. Phong trào “*Ngày chủ nhật sạch*”

Phong trào “*Ngày Chủ nhật sạch*” được triển khai thực hiện và duy trì thường xuyên vào các ngày chủ nhật và được đông đảo nhân dân đồng tình tham gia dọn vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm, chỉnh trang nhà cửa, vườn hộ và công trình chăn nuôi; tỷ lệ người dân tham gia trong các ngày chủ nhật đạt từ 70% trở lên.

Trong 9 tháng đầu năm 2023 với tổng số khoảng 21.756 lượt người, khoảng 26,7 km đường thôn, ngõ xóm được quét dọn thường xuyên. Đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách các thôn, làng đều trực tiếp sống với nhân dân để chỉ đạo, thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp bằng hình ảnh cụ thể qua nhóm Zalo của xã để theo dõi chỉ đạo. Đối với các cơ quan duy trì việc tổng vệ sinh vào ngày thứ 5 hàng tuần đều đặn, các cơ quan đều đảm bảo xanh, sạch, đẹp. (có lục 05 kèm theo)

5. Kết quả huy động nguồn lực trong xây dựng NTM và các phong trào PTKT-XH 9 tháng đầu năm

+ Tổng nguồn lực huy động: 11,4 tỷ đồng.

Trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho CTMTQG XDNTM: 2,5 tỷ đồng. (*Tuyến đường từ Ngã ba Cò chè đi trường Mầm non, tuyến đường Đồi bò thôn Lộc Thành; và Đài truyền thanh xã*).

- Huy động nhân dân đóng góp: 8,9 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Tiền mặt: 1,4 tỷ đồng huy động vào công trình.

+ Nhà ở, đất đai, cây cối... và các công trình khác khoảng 7,5 tỷ đồng.

6. Những hạn chế, nguyên nhân.

a. Một số hạn chế.

- Hoạt động của Ban phát triển một số thôn chưa thực sự sâu sát, lộ trình kế hoạch, nội dung, giải pháp thực hiện chưa sát thực tế, chưa cụ thể; vai trò của một số tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội thành viên Ban chỉ đạo xã, cán bộ chỉ đạo điểm và các thôn chưa phát huy rõ nét.

- Một số thôn, làng chỉ quan tâm đến xây dựng kết cấu hạ tầng mà chưa chú trọng đến phong trào phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập để giảm nghèo.

- Trong thực hiện xây dựng NTM, các phong trào thi đua và hội thi tuyến đường “Sáng- xanh - sạch- đẹp” chưa quan tâm trồng hàng rào xanh và đảm bảo vệ sinh môi trường nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát của một số đồng chí cán bộ chuyên môn phụ trách thôn, làng chưa sâu sát, thiếu cụ thể.

- Hoạt động của BPT các chương trình MTQG trong xây dựng NTM của thôn còn thụ động trong một số nhiệm vụ cụ thể. Công tác tuyên truyền vận động, huy động chưa quyết liệt, còn nể nang ngại va chạm, dẫn đến huy động nguồn lực hạn chế, thực hiện các nội dung công việc không đạt kế hoạch đề ra.

- Xuất hiện tư tưởng chán nản của một bộ phận cán bộ và nhân dân, dẫn đến việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM chưa được quan tâm đúng mức, đến nay một số tiêu chí xã, thôn đã xuống cấp, thiếu bền vững như: *Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm, Bảo hiểm y tế, cảnh quan môi trường.....*

- Vấn đề thu gom, xử lý rác thải và nước thải sinh hoạt gặp khó khăn, do chủ yếu là người dân tự thu gom tại nhà chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, khiến cảnh quan và chất lượng môi trường bị ảnh hưởng, các công trình chăn nuôi gia súc, gia cầm xây dựng chưa đảm bảo vệ sinh theo quy định.

- Chưa thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGap hoặc tương đương. Chưa có sản phẩm đảm bảo các yêu cầu của chương trình ocop.

- Chỉ tiêu xã có HTX hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã gặp khó khăn do HTX DVNN đã ngừng hoạt động.

- Về tiêu chí mở rộng mặt đường giao thông: Do hệ thống đường giao thông trục thôn và đường ngõ ở một số thôn làng không đảm bảo chiều ngang nên rất khó khăn trong việc mở rộng đường và xây mương thoát nước đảm bảo tiêu chí NTM kiểu mẫu và các phong trào.

a. Nguyên nhân.

- Khách quan:

Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025 có một số tiêu chí được điều chỉnh nội dung yêu cầu cao hơn và bổ

sung thêm tiêu chí mới. Các nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới đối với địa phương không nhiều, nhất là đối với thôn không có để thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- **Chủ quan:** Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Ban phát triển một số thôn chưa thực sự sâu sát, chưa xây dựng lộ trình kế hoạch cụ thể, công tác triển khai còn chậm. Công tác huy động đóng góp chưa triệt để chưa hết chỉ tiêu. Công tác tự rà soát các tiêu chí để sơ kết, tổng kết tìm ra nguyên hạn chế, khó khăn để có giải pháp chỉ đạo còn chậm. Công tác tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực cũng như ngày công tham gia các phong trào còn hạn chế.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM.

1. Mục tiêu.

- **Đối với xã:** Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt 6/19 đạt gồm: Tiêu chí số 6 cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 11 Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 13 Tổ chức SX phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 15 Y tế. Tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí số 18 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

- Đối với thôn, làng.

+ **Thôn Lộc Thành, Lộc Phát, Cò Chè, Làng Hép, Thôn Lộc Tiên:** Tiếp tục hoàn thành 6 tiêu chí gồm: Tiêu chí số 3 Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 4 Nhà ở dân cư và vườn hộ; Tiêu chí số 5 Giao thông; Tiêu chí số 7 Y tế; Tiêu chí số 9 Môi trường và ATTP; (Lộc Tiên) thêm Tiêu chí số 12 Thông tin và truyền thông.

+ **Làng Ngã Hón:** Tiếp tục thực hiện 8/15 tiêu chí theo tiêu chí NTM kiểu mẫu gồm: Tiêu chí Tiêu chí số 3 Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 4 Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 5 Giao thông; Tiêu chí số 7 Y Tế; Tiêu chí số 9 Môi Trường; Tiêu chí số 10 Chất lượng môi trường sống; Tiêu chí số 12 Điện; Tiêu chí số 13 Thông tin và truyền thông.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo.

a. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và nhân dân về chủ trương, chính sách của đảng, Nhà nước và những kết quả đã đạt được trong xây dựng nông thôn mới và các phong trào hội thi để nhân dân tiếp tục nhận thức sâu sắc hơn nữa về chủ trương xây dựng nông thôn mới và các phong trào là một chương trình phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - văn hoá xã hội, Quốc phòng - An ninh... Công tác tuyên truyền phải tiếp tục được thực hiện thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để tạo sự đồng thuận hơn nữa trong nhân dân và để nhân dân ngày càng xác định rõ vai trò chủ thể của mình trong xây dựng nông thôn mới, các phong trào và hội thi, để từ đó nhân dân tự giác, thi đua thực hiện thắng lợi các phong trào chung sức xây dựng NTM.

b. Tiếp tục rà soát các tiêu chí, duy trì củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Thường xuyên rà soát các tiêu chí, duy trì củng cố nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới, xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết để tổ chức thực hiện xây dựng NTM, xác định những nội dung, công việc cần làm, những tiêu chí phần đầu đạt theo lộ trình, xây dựng giải pháp huy động đóng góp triệt để các nguồn lực nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng theo kế hoạch đề ra.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết sản xuất theo hình thức đảm bảo tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực của xã phải thực hiện truy xuất nguồn gốc, xây dựng vùng nguyên liệu được chứng nhận

VietGap hoặc phẩm ocop; Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất. Nhằm nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, tăng thu nhập để giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Tiếp tục tuyên truyền cho nhân dân tích cực thực hiện các phong trào và hội thi, nâng cao ý thức trong công tác vệ sinh môi trường nông thôn theo hướng sạch nhà - sạch bếp - sạch ngõ. Chính trang nhà ở dân cư, tạo cảnh quan môi trường đường làng ngõ xóm sáng, xanh, sạch, đẹp.

c. Tiếp tục huy động có hiệu quả các nguồn lực xây dựng NTM.

Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình dự án, đặc biệt tập trung nguồn lực từ Ngân sách địa phương và từ nguồn nhân dân đóng góp, phát huy nguồn lực trong nhân dân, con em địa phương đi làm ăn xa và các doanh nhân thành đạt, tham gia xây dựng quê hương theo hướng tập trung, không dàn trải, phát huy dân chủ, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng công trình.

d. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội.

- Đề nghị MTTQ các tổ chức đoàn thể xã và ban phát triển thôn, làng căn cứ chức năng nhiệm vụ và tình hình cụ thể của tổ chức, đơn vị mình, xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ theo nghị quyết của BCH đảng bộ đề ra.

- Đề nghị các đồng chí trong Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã được phân công chỉ đạo các thôn, làng và công chức UBND xã, các ngành liên quan bám sát, tập trung chỉ đạo các thôn, làng thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

Tập trung tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân trong xã tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy nội lực, huy động nguồn lực vận dụng các cơ chế chính sách, các điều kiện thuận lợi để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, các phong trào hội thi năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Thành viên BCD các CT MTQG xã;
- Các thôn, làng;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Chung

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔN MỚI XÃ LỘC THỊNH
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND xã Lộc Thịnh)

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu vùng 2	Kết quả thực hiện đến 30/9/2023	Kết quả tự đánh giá
I. Quy hoạch					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã1 được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đã có quy hoạch chung theo Quyết định số 4893/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Ngọc Lặc	Đạt.
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Có Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
II. Hạ tầng Kinh tế - Xã hội					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Tổng chiều dài 12,15 km; nền đường 6,5 m; mặt đường 3,5 m đã được nhựa hóa và bê tông hóa 100%,	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Đường trục thôn, liên thôn 16,74 km, chiều rộng mặt đạt tối thiểu 3,0m, Cứng hóa 100%; chiều rộng nền đường đạt tối thiểu 4,0m, 70% Bê tông hóa.	Đạt.
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: ≥70% bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	+ Đường Ngõ, tổng chiều dài 13,8/13,8 km =100% km, sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m; cứng hóa 71% ; kết nối với đường dân sinh chủ yếu phục vụ đi lại của người dân giữa các cụm dân cư và các hộ gia đình	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: ≥60% bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	+ Đường trục chính nội đồng 3,42/3,42 km =100% cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, có nhiều tuyến đường cứng hóa mặt đường; chiều rộng mặt tối thiểu 3,0m, chiều rộng nền đường thiếu 4,0m;	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: 445,8/535,13=83,3%. -Tỷ lệ diện tích tiêu 520,78/520,78=100%. -Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước chủ động: 21,89/21,89 = 100%	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Hàng nam xã Có PA, PCTT theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	897/897 hộ =100% đường dây hạ thế 0,4 sử dụng bằng dây bọc, đảm bảo an toàn.	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Xã có >3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: ≥70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1).	Xã có 2/2 trường là Trường TH-THCS và trường Mầm non đạt chuẩn mức độ 1	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Quy hoạch: Bố trí được quỹ đất tối thiểu 2.500m ² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Trong đó: + Diện tích đất quy hoạch của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng tối thiểu đạt 500m ² đối với xã thuộc huyện đồng bằng. + Diện tích đất quy hoạch của Khu thể thao xã (chưa tính sân vận động xã) tối thiểu đạt 2.000m ² đối với xã thuộc huyện đồng bằng. Quy mô chỗ ngồi của Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu đạt 250 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện đồng bằng. Trang thiết bị của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao đạt 100% theo quy định.	Đạt	- Hội trường đa năng xã (thành phần cấu thành Trung tâm Văn hoá - Thể thao xã). Nằm trong khuôn viên công sở của UBND xã được xây dựng năm 2017, có diện tích quy hoạch 1000 m ² , diện tích xây dựng 572 m ² , quy mô xây dựng 250 chỗ ngồi; có 05 phòng chức năng. - Khu thể thao và sân vận động xã có tổng diện tích quy hoạch là 15.090m ² ; trong đó diện tích khu thể thao là 2.700 m ² , diện tích quy hoạch sân vận động xã là 12.390 m ² . Tại thôn Lộc Tiến chưa xây dựng.	Chưa Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt	Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi diện tích là 2.700 m ²	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	6/6 thôn/ làng có nhà văn hóa đạt 100%	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND tỉnh quy định	Xã có 01 chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa Các hàng hóa, kinh doanh theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Xã có điểm phục vụ bưu chính đảm bảo theo Bộ thông tin quy định	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Xã có dịch vụ viễn thông đảm bảo theo Bộ thông tin quy định	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn. Đài truyền thanh xã đang chuẩn bị nâng cấp	Đạt.

		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	UBND xã có ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, trong điều hành, xử lý công việc; Có ứng dụng CNTT để hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	85%	855/897 đạt 95,31%, có 42 nhà chưa đạt chuẩn.	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	≥39	50,2	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	6,50%	124 hộ = 13,7 %,	Chưa Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥75	Tỷ lệ lao động qua đào tạo 1262/1670 LĐ=75,56%	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥25	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 380/1310 =29,0%	
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Xã có 01 HTX dịch vụ nông nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Tuy nhiên, hiện nay HTX đã ngừng hoạt động.	Chưa Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm bền vững: Mô hình mía nguyên liệu với công ty CP Mía đường Lam Sơn và Mô hình liên kết sản xuất cây gai xanh nguyên liệu với công ty An Phước..	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Xã chưa có sản phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Chưa Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Không có làng nghề	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Xã có tổ khuyến nông, do cán bộ thủy nông và trưởng thôn thực hiện. UBND xã xây dựng kế hoạch các lớp tập huấn, tuyên truyền về triển khai hướng dẫn khoa học kỹ thuật; thông tin thị trường. Hàng năm xây dựng Kế hoạch tập huấn, tuyên truyền, giao cho cán bộ chuyên môn, trung tâm học tập cộng đồng phối hợp với Trung tâm dịch vụ nông nghiệp mở các lớp tập huấn, xây dựng mô hình sản xuất.....	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt	Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt

		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 85\%$	22/22HS = 100%	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	9 tháng đầu năm 2023 đã thực hiện. (2.888/ 3.246=85,7%).	Chưa đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 25\%$	63/286 trẻ đạt 22%;	Đạt
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	Chưa thực hiện.	Chưa đạt
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	UBND tỉnh quy định	6/6 thôn/ làng đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới đạt 100%.	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 45\%$ ($\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước sạch tập trung)	546/897=60,86% Chưa có HT nước tập trung	Chưa Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 95\%$	1/1 hộ nuôi trồng thủy sản = 100% đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; không có làng nghề.	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Tỷ lệ hộ có hố chứa và xử lý nước thải sinh hoạt thấp	Chưa Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Đạt bình quân 2,5m ² / người. UBND xã tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch số 53-KH/HU về trồng cây xanh nơi công cộng	Đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND tỉnh quy định	Các nghĩa địa trên địa bàn đã được quy hoạch theo quy định. Mai táng người quá cố đúng quy định.	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 75\%$	750/897 hộ đạt 83,6%.	Đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	$\geq 100\%$	Hiện nay trên địa bàn xã đã triển khai, chỉ đạo hướng dẫn các thôn đặt các bể thu gom bao gói thuốc BVTV có nắp đậy tại các cánh đồng, chất thải rắn y tế được thu gom xử lý theo quy định. UBND xã chỉ đạo các thôn, làng duy trì các thùng đựng bao gói thuốc BVTV tại các xứ đồng đảm bảo theo quy định. 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt

		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	775/897 hộ =85,92%	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	70%	459/700 hộ chăn nuôi =65,5%	Chưa Đạt
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%.	26/26 hộ =100%	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	774/897 =86,28%	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	Trên địa bàn không có cơ sở tái chế. Tuy nhiên, các hộ thực hiện thu gom bán cho người thu mua ve chai đạt 720/897 hộ chiếm 80,16% đạt so với yêu cầu	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Có 21/21 cán bộ, công chức xã đạt tỷ lệ 100%. (Trình độ Đại học 18 người, Cao đẳng 02 người, Trung cấp 01 người. Có bằng Trung cấp Lý luận chính trị 20 người)	Chưa đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Có đầy đủ các tổ chức trong HTCT từ xã đến thôn; có 10/10 chi bộ không có chi bộ ghép, các đoàn thể từ xã đến thôn đều đầy đủ hoạt động, phấn đấu hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đảng bộ hàng năm phấn đấu đạt trong sạch, vững mạnh và hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Năm 2022 hoàn thành tốt nhiệm vụ	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	5/5=100%	Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Xã đạt chuẩn về tiếp cận Pháp Luật theo quyết định số 4353/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 10 năm 2020. Về việc công nhận xã Lộc Thịnh đạt chuẩn tiếp cận Pháp luật	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đảng bộ xã có 02 nữ giới làm lãnh đạo chủ chốt, Tỷ lệ nữ tham gia ban chấp hành Đảng bộ là 4/13 người chiếm tỷ lệ 30,7%; Có 139 lượt phụ nữ thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số, khuyết tật được vay tỷ lệ đạt 100% trên tổng số phụ nữ nghèo, phụ nữ khuyết tật, khó khăn có nhu cầu vay vốn. Trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. Định kỳ mỗi tháng có từ 02 buổi trở lên tuyên truyền về bình đẳng giới trên đài truyền thanh của xã và các cuộc hội nghị ở xã, các thôn, làng. Địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh: Trạm y tế xã là địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh cho nạn nhân bị bạo lực giới và nạn nhân bị bạo lực gia đình	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Hàng năm xã xây dựng kế hoạch triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt

19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	- <i>Quốc phòng</i> : Hàng năm xã đã xây dựng hệ thống kế hoạch, văn kiện hoạt động hằng năm đầy đủ theo chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn của Ban chỉ huy quân sự huyện và theo Công văn số 457/HD-CT ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa. Thực hiện tốt việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; 100% công dân nam đủ 17 tuổi được đăng ký nghĩa vụ quân sự tại nơi cư trú. Xây dựng vững chắc nền QPTD, hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo kế hoạch được giao	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	- An ninh: Hàng năm Đảng ủy xã đều có Nghị quyết, về lãnh đạo nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự. UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự tổ quốc. Thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, kế hoạch của UBND xã, Công an xã đã chủ động xây dựng các kế hoạch, phương án đảm bảo ANTT trên địa bàn, chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án 375, Chỉ thị số 10 của UBND tỉnh về xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT gắn liền với Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ công an quy định về khu dân cư, xã phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn “An toàn về ANTT” làm tốt công tác nắm tình hình, xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn, nắm chắc tình hình ANCT, TTATXH để kịp thời tham mưu không để bị động bất ngờ xảy ra	Đạt

Kết quả rà soát:

+ **Tiêu chí đạt 13/19 tiêu chí gồm:** TC 01 Quy hoạch; TC 02 Giao thông; TC 03 Thủy lợi; TC 04 Điện; TC 05 Trường học; TC 07 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; TC 08 Thông tin và truyền thông; TC 09 Nhà ở; TC 10 Thu nhập; TC 12 Lao động; TC 14 Giáo dục và đào tạo; TC 16 Văn hóa; TC 19 Quốc phòng - An ninh.

+ **Tiêu chí chưa đạt 6/19 tiêu chí gồm:** TC 06 Cơ sở vật chất văn hóa; TC 11 Hộ nghèo; TC 13 Tổ chức sản xuất; TC 15 Y tế; TC 17 Môi trường và an toàn thực phẩm; TC 18 Hệ thống chính trị

Biểu 03

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔN KIỂU MẪU
(LÀNG NGÃ HÓN XÃ LỘC THỊNH NĂM 2023)**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND xã Lộc Thịnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá
----	--------------	-------------------	----------	-------------------	---------------------

				đến 30/9/2023	
1	Phát triển kinh tế nông thôn	1.1. Thôn, bản có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc có mô hình nông nghiệp liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm, hoặc có sản phẩm OCOP được xếp hạng 3 sao trở lên.	Đạt	Có mô hình tưới tự động cho cây trồng	Đạt
		1.2. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương được truy xuất nguồn gốc đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Đạt	Sản phẩm lúa	Đạt
		1.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 80\%$	$197/245 = 80,4\%$	Đạt
		1.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 35\%$	$58/245 = 64,4\%$	Đạt
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm. (42*10%)	Năm 2023: 46,2 triệu	55,5	Đạt
3	Nghèo đa chiều	Thôn, bản không còn hộ nghèo và hộ cận nghèo (trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động; hộ nghèo, hộ cận nghèo do bệnh hiểm nghèo).	Đạt	7/101 hộ = 6,6%	Chưa đạt
4	Nhà ở dân cư và khuôn viên hộ gia đình	4.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	$\geq 90\%$	$101/101 = 100\%$	Đạt
		4.2. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học; các công trình phụ trợ thuận tiện cho sinh hoạt, hợp vệ sinh.	Đạt	$69/101 = 66\%$	Chưa đạt
		4.3. Vườn hộ - vườn nằm trong khuôn viên hộ gia đình (đối với vườn có diện tích từ 200m ² trở lên): - Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch được UBND xã xác nhận. - Có cảnh quan xanh-sạch-đẹp; có sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. - Thu nhập từ vườn hàng năm: tối thiểu đạt 30 triệu đồng/500m ² .	Đạt	- Chưa có sơ đồ quy hoạch đối với vườn 200m ² trở lên - Cảnh quan chưa xanh, sạch, đẹp - Thu nhập từ vườn hàng năm: chưa đạt 30 triệu đồng/500m ²	Chưa Đạt
		4.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi (nếu có): Đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 90\%$	$65/95 \text{ hộ} = 68,4\%$	Chưa đạt
		4.5. Tỷ lệ hộ gia đình có hàng rào trồng bằng cây xanh, cây hoa hoặc tường rào cứng được phủ bằng cây xanh, cây hoa.	$\geq 75\%$	$69/101 = 66\%$	Chưa đạt
5	Giao thông	5.1. Đường trục chính thôn bản			
		Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ; chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m.	100%	Nền 5m, mặt đường 3m	Chưa đạt

		Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đầy.	$\geq 70\%$	Chưa có rãnh dọc	Chưa đạt
		Có biển báo giao thông đầu các trục đường thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc...) theo quy định.	Đạt	Chưa có biển báo hạn chế tải trọng	Chưa đạt
		Tỷ lệ km đường được trồng cây xanh, cây hoa phù hợp với cảnh quan; có hệ thống điện chiếu sáng	$\geq 80\%$	100%	Đạt
		5.2. Đường ngõ, xóm:			
		Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ; chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100%	Nền 3m,	Chưa đạt
		Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước	100%	Khoảng 55%	Chưa đạt
		Tỷ lệ km đường được trồng hoa, cây xanh.	$\geq 80\%$	70%	Chưa Đạt
6	Giáo dục	5.3. Đường trục chính nội đồng hoặc khu sản xuất (nếu có): Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m.	100% ($\geq 80\%$ cứng hóa)	1,0/ 1,0 km =100%. Nền đường 3 m	Chưa Đạt
		6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).	$\geq 98\%$	3/3 HS = 100%	Đạt
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng Giấy khen.	Đạt	Có phong trào khuyến học, khuyến tài.	Đạt
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 98\%$	Chưa đánh giá	Chưa Đạt
		7.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 90\%$	Chưa đánh giá	Chưa đạt
		7.3. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.	$\geq 70\%$	0%	Chưa đạt
		7.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 10\%$	Chưa đánh giá	Đạt
8	Văn hóa	8.1. Nhà văn hóa thôn, bản được xây dựng, đầu tư trang thiết bị hiện đại, kết nối được Internet; có lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời cho các lứa tuổi; phát triển nhiều loại hình sinh hoạt câu lạc bộ tại Nhà văn hóa và duy trì thường xuyên tổ chức hoạt động theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Hàng rào khuôn viên Nhà văn hóa, khu thể thao thôn được trồng bằng cây xanh hoặc tường rào cứng được phủ bằng cây xanh.	100%	100%	Đạt

		8.3. Trong khuôn viên nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản trồng cây xanh hoặc trồng hoa hài hòa, hợp lý	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Có tủ sách (trên 50 đầu sách các loại) tại nhà văn hóa thôn, bản.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “khu dân cư văn hóa” trong 05 năm liên tục theo quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.6. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” 03 năm liên tục theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	≥80%	Chưa đánh giá	Đạt
		8.7. Thôn, bản được tặng Giấy khen khu dân cư văn hóa đạt ít nhất trong 03 năm liên tục và tỷ lệ hộ gia đình được tặng Giấy khen “Gia đình văn hóa” đạt 25% tổng số gia đình.	Đạt	Chưa đánh giá	Đạt
		8.8. Có hương ước, quy ước được UBND cấp huyện quyết định công nhận và 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.9. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình kiểu mẫu”.	≥75%	Chưa đánh giá	
9	Môi trường	9.1. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	Không có	Đạt
		9.2. Đường trục thôn, bản, ngõ xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ gia đình xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	Tỷ lệ đạt 66%	Chưa đạt
		9.3. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Mai táng đúng nơi quy định	Đạt
		9.4. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.	≥5%	0/0	Đạt
		9.5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	100%	85%	Chưa Đạt
		9.6. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.	≥85%	100% Làm thức ăn, ủ phân bón	Đạt
		9.7. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.	≥60%	80% hộ có hố chứa rác, lò đốt rác	Đạt
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.	≥50%	96/101 hộ =90%	Đạt
		9.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	≥90%	65/95 hộ = 68,4%. Hố phân chưa đảm bảo cứng, kín, mái che.	Chưa đạt
		9.10. Có mô hình bảo vệ môi trường (tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt	Làng thường xuyên duy trì huy động làm vệ sinh các ngày chủ nhật	Đạt

10	Chất lượng môi trường sống	10.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.	$\geq 45\%$	Chưa có HT Nước sạch TT	Chưa Đạt
		10.2. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.	100%	Không có	Đạt
		10.3. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn	Đạt	Không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm	Đạt
		10.4. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.	100%	Chưa có chứng nhận	Chưa Đạt
		10.5. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.	100%	101/101 = 100%	Đạt
11	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại 04 tại chỗ; có áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước đối với cây trồng chủ lực địa phương.	Đạt	Đạt	Đạt
12	Điện	12.1. Có lưới điện trung thế và hạ thế sử dụng 100% cáp bọc hoặc cáp ngầm.	Đạt	101/101 hộ	Đạt
		12.2. Tỷ lệ hộ thanh toán hóa đơn tiền sử dụng điện qua ứng dụng thanh toán điện tử.	$\geq 90\%$	0	Chưa đạt
13	Thông tin và truyền thông	13.1. Có hạ tầng Internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G; cán bộ thôn, bản có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn.	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt	Hệ thống TT của thôn đã xuống cấp	Chưa Đạt
		13.3. Có một trong các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực, như: Sản xuất, kinh doanh; y tế; giáo dục; an toàn giao thông; an ninh trật tự; truy xuất nguồn gốc sản phẩm...	Đạt	Chưa có	Chưa đạt
14	Hệ thống chính trị; chấp hành pháp luật	14.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị - xã hội theo quy định; hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Trong năm xét công nhận hoặc năm liền kề, Chi bộ được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.	Đạt	Đạt	Đạt
		14.4. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công.	$\geq 90\%$	100%	Đạt
		14.5. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng hỗ trợ pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	$\geq 90\%$	100%	Đạt

15	Quốc phòng và an ninh	15.1. Thực hiện tốt nhiệm vụ đăng ký, quản lý, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm.	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch của cấp trên; thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức quốc phòng - an ninh cho toàn dân; hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và nhiệm vụ đột xuất khác.	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Không có khiếu kiện, truyền đạo trái pháp luật ở khu dân cư.	Đạt	Không có	Đạt
		15.4. Không có công dân cư trú phạm tội bị khởi tố; không xảy ra trọng án, tội phạm rất nghiêm trọng trở lên; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm dần; không phát sinh mới người mắc tệ nạn xã hội ở khu dân cư.	Đạt	Không có	Đạt
		15.5. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” và đạt loại “xuất sắc” trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo quy định của Bộ Công an; có mô hình tự quản về An ninh trật tự hoạt động, thường xuyên hiệu quả	Đạt	Được công nhận	Đạt

Ghi chú:

- **Đạt 7/15:** TC1 Phát triển kinh tế nông thôn; TC 2 Thu nhập; TC 6 Giáo dục; TC 8 Văn hóa; TC 11 Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; TC 14 Hệ thống chính trị; chấp hành pháp luật; TC 15 Quốc phòng và an ninh.

- **Chưa đạt 8/15:** TC 3 Nghèo đa chiều; TC4 Nhà ở dân cư; TC 5 Giao thông; TC 7 Y Tế; TC9 Môi Trường; TC 10 Chất lượng môi trường sống; TC 12 Điện; TC 13 Thông tin và truyền thông;

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN 14 TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI
XÃ LỘC THỊNH 9 THÁNG NĂM 2023**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND xã Lộc Thịnh)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Vùng 2	Kết quả thực hiện									
				Lộc Thành		Lộc Tiến		Lộc Phát		Cò Chè		Làng Hép	
				Thực hiện	Đánh giá	Thực hiện	Đánh giá	Lộc Phát	Đánh giá	Thực hiện	Đánh giá	Thực hiện	Đánh giá
1	Lao động	1.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 75%	302/426 =70,9%	Đạt	172/218 =78,8%	Đạt	196/225 =87,1%	Đạt	215/318 =67,6%	Đạt	180/238 =75,6%	Đạt
		1.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 25%	107/302 =35,4%	Đạt	48/172 = 27,9%	Đạt	54/196 =27,5%	Đạt	58/215 =26,9%	Đạt	55/180 =30,5%	Đạt
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người)	Năm 2023: ≥42 2024: ≥45 2025: ≥48	42	Đạt	42	Đạt	45	Đạt	44	Đạt	55,7	Đạt
3	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	6,50%	27/183 =14,67%	Chưa đạt	29/146 = 19,8%	Chưa đạt	18/208 = 8,65%	Chưa đạt	22/150 =14,6%	Chưa đạt	14/108 =16,6%	Chưa đạt
4	Nhà ở dân cư và vườn hộ	4.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 85%	160/184 = 86,9%	Đạt	140/146 =95,8%	Đạt	196/208 =94%	Đạt	145/150= 97%	Đạt	108/108 =100%	Đạt
		4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt	180/184 =97,8%	Chưa đạt	11/146 =7,53%	Chưa đạt	188/208 = 78,5%	Chưa đạt	105/150 =70%	Chưa đạt	78/108 =72,22%	Chưa đạt
		4.4. Vườn hộ mỗi gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	180/184 =97,8%	Chưa đạt	16/146 =10,9%	Chưa đạt	150/208 = 72%	Chưa đạt	45/150 =30%	Chưa đạt	70/108 =64,81%	Chưa đạt

5	Giao thông	5.1. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, có rãnh tiêu thoát nước mặt đường	100%(trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	- Đã BTH, nhựa: 4/4km =100%	Đạt	- Đã cứng hóa 2 /2km = 100%- Đã BTH 1,8/2,0km =90%	Đạt	- Đã BTH: 2,5/2,5 =100%	Đạt	1,5/1,5km =100%	Đạt	Đã BTH, 2,2/2,2 km =100%	Đạt
		5.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm; có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy	100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	- Đã BTH, nhựa: 2/2 =100%	Chưa Đạt	- Đã cứng hóa: 2/2km = 100% - Đã BTH, : 1,2/2 km =60%	Chưa Đạt	- Đã BTH: 3/3km =100%	Đạt	- Đã cứng hóa: 3,3/3,3km =100% - Đã BTH: 3 /3,3km =90%	Chưa Đạt	- Tổng 0,9km - Cứng hóa 0,9km	Chưa Đạt
		5.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: $\geq 60\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	Đường nội đồng là đường thôn		0,4/ 0,4km =100%		1,5/1,5km	Đạt	0,4/ 0,4km =100%		- Tổng 1,2 - Cứng hóa 1,2	
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục	$\geq 85\%$	5/5 = 100%	Đạt	3/3 =80%	Đạt	5/5=100 %	Đạt	4/4=100 %	Đạt	2/2 HS đạt 100%	Đạt

[illegible]

		8.3. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh	Năm 2022 $\geq 65\%$ 2023 $\geq 75\%$ 2024 $\geq 80\%$ 2025 $\geq 85\%$	400/400 m =100%	Đạt	150/150 m =100%	Đạt	360/360 m =100%	Đạt	140/140 =100%	Đạt	60/60 m = 100%	Đạt
9	Môi trường và An toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 45\%$ ($\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	Chưa có HT Nước TT	Chưa đạt	Chưa có HT Nước TT	Chưa đạt	Chưa có HT Nước TT	Chưa đạt	Chưa có HT Nước TT	Chưa đạt	Chưa có HT Nước TT	Chưa đạt
		9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 95\%$	1/1=100 %	Đạt	Không có	Đạt	Không có	Đạt	Không có	Đạt	Không có	Đạt
		9.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		9.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	đạt	Đạt
		9.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đúng quy định	Đạt	Đúng quy định	Đạt	Đúng quy định	Đạt	Đúng quy định	Đạt	Đúng quy định	Đạt
		9.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 75\%$	180/184 hộ =97,8%	Đạt	111/146 hộ =76%	Đạt	177/208 hộ =85%	Đạt	105/150 =700%	Đạt	102/108 hộ = 94%	Đạt
		9.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt

		9.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 85\%$	158/184 hộ =85,9%	Đạt	125/146 hộ =85,6%	Đạt	180/208 hộ =86,5%	Đạt	120/150 =80%	Đạt	96/108 hộ =90,5%	Đạt
		9.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 70\%$	130/184 =70,6%	Đạt	75/125 =60%	Chưa đạt	58/86 =67,4%	Chưa đạt	76/135 =56,3%	Chưa đạt	55/75 hộ =80%	Đạt
		9.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	3/3 =100%	Đạt	3/3 =100%	Đạt	6/6 =100%	Đạt	9/9 =100%	Đạt	4/4=0%	Đạt
		9.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	180/184 hộ =97,8%	Đạt	85/146 =58,2%	Đạt	150/208 =72%	Đạt	150/150 =100%	Đạt	108/108 hộ =100	Đạt
		9.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	70%	Đạt	80	Đạt	86%	Đạt	80%	Đạt	80%	Đạt
10	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Đảm bảo yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
11	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	100%	184/184 hộ =100%	Đạt	146/146 =100%	Đạt	208/208 hộ =100%	Đạt	150/150 =100%	Đạt	108/108 hộ =100%	Đạt
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt	Đạt	HD tốt	Đạt	Xuống cấp	Chưa đạt	HD tốt	Đạt	HD tốt	Đạt	Tốt	đạt

[illegible]

14	Quốc phòng và An ninh	14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Không có hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; không có khiếu kiện đông người vượt cấp; không có hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật ở khu dân cư	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được được kiểm chế, giảm so với năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.4. Có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả; đạt tiêu chuẩn an toàn về “ANTT” và đạt loại “Khá” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo quy định của Bộ Công an	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
14	Đánh giá			Lộc Thành: Tiêu chí đạt 9/14		Lộc Tiến: Tiêu chí đạt 8/14		Lộc Phát: Tiêu chí đạt 9/14		Cò chè: Tiêu chí đạt 9/14		Làng Hép: Tiêu chí đạt 9/14

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC PHONG TRÀO PTKTXH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND xã Lộc Thịnh)

TT	Tên thôn	Điện chiếu sang (Km)						XD cổng làng, cổng chào				Phát triển Trang trại, gia trại.						Chỉnh trang khuôn viên trụ sở nhà VH (triệu đồng)		
		Tổng (km)	Thực hiện Năm 2022		Thực hiện 9 tháng đầu năm 2023		Tổng tiền					Trang trại			Gia trại					
			Xây mới	Tiền	Xây mới	Tiền (Triệu)		Đã có	Số tiền (Triệu)	Năm 2022	9 tháng 2023	Đã có	Năm 2022	9 tháng 2023	Tổng tiền	Năm 2022	9 tháng 2023			
1	Lộc Thành	6,60	1,40	60,00	4,70	140,00	200,00	2,0	37,00			0			11			150	2	8
2	Lộc Tiến	3,40	3,20	42,00	1,00	35,00	77,00	2,0	37,00					4	1	1	38	0	0	
3	Lộc Phát	2,75	1,80	90,00	1,20	60,00	150,00	3,0	45,50	0	0			4			220	144	76	
4	Cò Chè	3,90	0,80	133,00			133,00	11,0	42,00					4		1	113	64	0	
5	Ngã Hón	2,75	2,75	57,60			57,60	1,0	20,00					2			50	0	0	
6	Làng Hép	2,76			0,76	40,00	40,00	1,0	19,50			1		4			120	0	0	
7	UBND xã																800		800	
	Cộng	22,16	9,95	382,60	7,66	275,00	657,60	20,00	201,00	0,00	0,00	1,00	0,00	0,00	29,00	1,00	2,00	1.491,00	210,00	884,00

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC PHONG TRÀO PTKTXH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND xã Lộc Thịnh)

TT	Tên thôn	Tiếng kể bình yên		Trồng Hàng rào xanh (Mét)						Trồng cây xanh nơi công cộng			Ngày chủ nhật sạch	
				Tổng hiện có	Năm 2022	9 tháng 2023	Trồng đó: Trồng							
		Có	Không				Nhà văn hóa	Các tuyến đường	Vườn hộ	Tổng hiện có	Năm 2022	9 tháng 2023	Năm 2022	9 tháng 2023
1	Lộc Thành	1		4.100	3.600	400		4.100		650			5.760	7.930
2	Lộc Tiến	1		2.100	1.700	1.000	50	1.880	170	60	20	40	3.680	2.280
3	Lộc Phát	1		2.500	2.500		60	2.190	250	31			7.640	4.760
4	Cò Chè	1		3.660	3.050	300	150	3.510		90	60		7.200	3.600
5	Ngã Hón	1		3.500	1.850	325	300	2.900	300	135			2.640	1.250
6	Làng Hép	1		2.870	2.500	300		2.870		30	150	25	2.500	1.936
	Cộng	6	0	18.730	15.200	2.325	560	17.450	720	996	230	65	29.420	21.756

